

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ C  
TỈNH Đ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17-02-2022

“V/v tranh chấp về hôn nhân và gia  
đình ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH Đ

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đình Đoàn Hùng  
Ông Nguyễn Viết Thanh

**- Thư ký Phiên tòa:** Bà Nguyễn Lệ Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C.

Ngày 17 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2022/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 01 năm 2022 “V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/02/2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Nguyễn Vũ P, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số 75, đường L, Tổ 36, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đ.

*Bị đơn:* Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Số 75, đường L, Tổ 36, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đ.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện ngày 18/11/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại Phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Vũ P trình bày:**

*Quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Vũ P và chị Nguyễn Thị Kim C kết hôn vào năm 2016, không có đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, khoảng 02 năm nay vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do khác biệt về quan điểm sống. Vợ chồng đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không thành. Nay, anh Nguyễn Vũ P yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim C.

*Con chung:* Anh Nguyễn Vũ P và chị Nguyễn Thị Kim C có một con chung tên Nguyễn Văn A, sinh ngày 09/01/2018. Hiện nay, con chung đang sống chung với chị C.

Khi ly hôn, anh P đồng ý chị C được trực tiếp nuôi con chung, anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng từ tháng 3 năm 2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

*Tài sản chung:* Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Nợ chung:* Không có nợ ai và không cho ai nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Thị Kim C trình bày:***

*Quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Kim C và anh Nguyễn Vũ P kết hôn vào năm 2016, không có đăng ký kết hôn. Nay, chị C đồng ý ly hôn với anh P.

*Con chung:* Chị Nguyễn Thị Kim C và anh Nguyễn Vũ P có một con chung tên Nguyễn Văn A, sinh ngày 09/01/2018. Hiện nay, con chung đang sống chung với chị C.

Khi ly hôn, chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng từ tháng 3 năm 2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

*Tài sản chung:* Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Nợ chung:* Không có nợ ai và không cho ai nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Vũ P và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con. Bị đơn Nguyễn Thị Kim C có địa chỉ tại phường M, thành phố C, tỉnh Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân của anh Nguyễn Vũ P và chị Nguyễn Thị Kim C được xác lập vào năm 2016, do anh chị tự nguyện và thừa nhận sống chung với nhau như vợ chồng, anh chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật nhưng anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng, hôn nhân của anh chị là hôn nhân không hợp pháp. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét mâu thuẫn của anh chị để làm căn cứ cho hay không cho ly hôn mà Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng của anh Nguyễn Vũ P và chị Nguyễn Thị Kim C để làm cơ sở chấm dứt quan hệ chung sống như vợ chồng của anh chị.

[3] Xét con chung: Anh Nguyễn Vũ P và chị Nguyễn Thị Kim C có 01 con chung tên Nguyễn Văn Anh, sinh ngày 09/01/2018. Hiện nay, con chung đang sống chung với chị C. Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, anh P đồng ý chị C trực tiếp nuôi con chung nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của anh P và chị C: Tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Văn A, sinh ngày 09/01/2018 cho chị C trực tiếp nuôi, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Xét cấp dưỡng nuôi con: chị C yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng từ tháng 3 năm 2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng từ tháng 3 năm 2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa, anh P và chị C đã tự nguyện thỏa thuận được về mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con và thời điểm bắt đầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của anh P và chị C: Anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng từ tháng 3 năm 2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Xét tài sản chung: Anh P và chị C thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Nợ chung: Anh P và chị C thống nhất không có nợ ai và không cho ai nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Án phí: Anh Nguyễn Vũ P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn, cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Kim C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

*Quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Vũ P và chị Nguyễn Thị Kim C.

*Con chung, cấp dưỡng nuôi con:* Công nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Vũ P và chị Nguyễn Thị Kim C: Chị Nguyễn Thị Kim C được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Văn Anh, sinh ngày 09/01/2018, hiện nay con chung đang sống chung với chị Nguyễn Thị Kim C. Anh Nguyễn Vũ P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng từ tháng 3 năm 2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

*Tài sản chung và nợ chung:* Hội đồng xét xử không xem xét.

*Án phí:* Anh Nguyễn Vũ P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005404 ngày 19/01/2022 của C cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đ. Như vậy, anh Nguyễn Vũ P đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Anh Nguyễn Vũ P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Kim C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- VKSND TPCL;
- TAND tỉnh ĐT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Kim Liên**